TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi.

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hồng B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Ph, tỉnh Hưng Yên. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1992; thường trú: Xã Ch, huyện H, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Hẻm số 91, tổ 1, đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Hồng B trình bày: Ông Lê Hồng B và bà Nguyễn Thị Nh là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ph, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2017 ngày 19/6/2017. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn ông B và bà Nh chung sống với nhau tại thôn H, xã T, huyện Ph, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống, ông B và bà Nh xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên khoảng đầu tháng 8/2017 bà Nh đã tự ý bỏ vào miền nam sinh sống cùng cha mẹ ruột tại hẻm số 91, đường B, khu phố T, phường T, thành

phố D, tỉnh Bình Dương và sinh con tại đây vào ngày 20/7/2017. Thời gian đầu gia đình ông B vẫn đi vào để thăm và chu cấp về kinh tế cho cháu nhưng đến từ năm 2020 đến nay thì bà Nh đã chặn mọi liên lạc, không cho ông B và gia đình bên nội gặp con chung. Ông B và bà Nh đã ly thân đến nay được hơn 5 năm. Nay ông B xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà Nh.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 20/12/2017. Từ khi sinh ra cho đến nay cháu Khoa ở chung với mẹ nên sau khi ly hôn ông B giao con chung cho bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà Nh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ph, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 34/2017 ngày 19/6/2017, việc kết hôn là tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông B xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng nên từ đầu tháng 8/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà Nh.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi thụ lý vụ án ông B và bà Nh không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin

tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Ông B xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Bà Nh đã được Tòa án triệu tập làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông B và bà Nh đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông B yêu cầu được ly hôn với bà Nh là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Ông B xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 20/12/2017. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông B và bà Nh đã sống ly thân với nhau trước khi sinh cháu Kh. Hiện nay cháu Khoa vẫn còn rất nhỏ, từ khi sinh ra cho đến nay cháu đều sống chung với mẹ và được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B cũng đồng ý giao con cho bà Nh chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, căn cứ các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án giao cháu Kh cho bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nh được Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt, không có yêu cầu nào đối với ông B về cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án ông B tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của ông B nên Tòa án ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Hồng B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng B đối với bà Nguyễn Thị Nh về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hồng B được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nh. (Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ph, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19/6/2017).

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 20/12/2017 cho bà Nguyễn Thị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Hồng B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lê Nguyễn Gia Kh số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 19/01/2024 cho đến khi cháu Khoa đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, ông B và bà Nh đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông B lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Nh nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của các con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Lê Hồng B và bà Nguyễn Thị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hồng B phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con; được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006802, ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Lê Hồng B còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân